

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 35/2021/HC-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2021
*V/v khiếu kiện Quyết định
hành chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung và bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 10/2021/TLST-HC ngày 07/6/2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HC ngày 30/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Xuân T - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Đ - Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Nguyễn Anh T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.

Ông Đ vắng mặt, bà T có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1967; đều cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Phạm Văn C trình bày:*

Năm 2007, ông nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn B, bà Nguyễn Thị B 01 ngôi nhà và đất với diện tích 139m² tại thửa đất số 503, tờ bản đồ 09/DC, phía Đông giáp nhà ông C, phía Tây giáp đường quốc lộ 10, phía Nam giáp nhà ông T và ông C, phía Bắc giáp nhà ông H. Hiện gia đình ông vẫn đang sống trên nhà đất đó từ 2007 cho tới nay, ranh giới giữa các hộ liền kề vẫn nguyên trạng không thay đổi. Năm 2017, ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 503 nói trên, nhưng ông Nguyễn Công H làm đơn lên Ủy ban nhân dân xã Đông Động kiện gia đình ông làm rãnh thoát nước lấn sang đất nhà ông H nên Ủy ban nhân dân huyện không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Khi ông C thuê Công ty đo đạc về đo đạc hiện trạng sử dụng đất thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H có tọa độ chồng lấn sang đất nhà ông tại 02 đoạn: đoạn thứ nhất rộng khoảng 20cm, từ phần tiếp giáp giữa hai thửa đất 501 và 503 chạy dọc xuống cuối thửa đất của hai gia đình và đoạn thứ hai khoảng 10cm, tại phần giáp ranh giữa thửa đất 501 và 500, là đường rãnh thoát nước nằm trong diện tích của thửa đất số 500, diện tích 40m² giáp với thửa đất của ông H, bà N mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rãnh thoát nước này đã tồn tại từ năm 1995 cho đến nay. Mặt khác, khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, ông không được thông báo gì, không ký xác nhận giáp ranh của các hộ liền kề. Vào tháng 10/2020, khi ông làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 503 thì ông mới được biết thửa đất số 501 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H, bà N.

Tại phiên đối thoại, ông C thừa nhận: Chữ ký “C” trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 23/9/2005 là của vợ ông, thể hiện quan điểm của gia đình ông và ông hoàn toàn nhất trí với biên bản xác định ranh giới, mốc giới này.

Nay ông khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 532336, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 00524 ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với thửa đất số 501 tờ bản đồ số 09/DC tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình mang tên Nguyễn Công H, Phạm Thị N do sai về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tọa độ thửa đất 501 cấp chồng lấn lên diện tích đất tại thửa số 503 và thửa số 500 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/3/2004, số vào sổ cấp giấy 00012.QSDD/QĐ 12-UBND (H) mang tên ông Phạm Văn C.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:*

Năm 2015, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ông H đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 09 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của hộ ông H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã tiến hành thẩm tra hồ sơ theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc: thửa đất được đăng ký trong hồ sơ 299 mang tên ông Nguyễn Đình T (bố đẻ ông Nguyễn Công H); ông H sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề; về diện tích, hình thể thửa đất: phù hợp với trích lục thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 09/3/2015, phù hợp với bản đồ đo đạc địa chính năm 2005 của xã Đ. Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 501, tờ bản đồ số 09, các chủ sử dụng đất tiếp giáp gồm bà Phí Thị N, ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị B, ông Bùi Xuân C đã ký xác nhận ranh giới, mốc giới; về nghĩa vụ: ông Nguyễn Công H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định. Do hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà N hợp pháp nên Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị: Trình tự, thủ tục và căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 532336, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 00524 ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với thửa đất số 501 tờ bản đồ số 09/DC, diện tích 220,3m² tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình mang tên Nguyễn Công H, Phạm Thị N là đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H, bà Phạm Thị N trình bày:*

Thửa đất số 501, tờ bản đồ 09/DC tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình có nguồn gốc là của bố mẹ ông là ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T để lại. Diện tích đất trên đã được bố mẹ ông sử dụng ổn định từ năm 1950, đến năm 1988 thì bố mẹ ông cho vợ chồng ông để sinh sống từ đó đến nay. Năm 1995, theo đúng mốc giới cũ, vợ chồng ông đã xây dựng tường bao quanh, bể nước, chuồng trại và các công trình phụ khác. Trong quá trình xây dựng cũng như sinh sống không có ai có ý kiến hay tranh chấp gì về ranh giới, mốc giới thửa đất. Ngày 11 tháng 3 năm 2015, gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 532336 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 00524 đối với thửa đất số 501 nói trên. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất không ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Khi ông C xây dựng nhà cửa thì có sang đặt vấn đề với gia đình ông cho chạy nhờ đường ống thoát nước giữa giáp ranh hai nhà ông C và ông, ông thấy việc cho đặt nhờ ống thoát nước không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của gia đình ông nên ông đã đồng ý. Thời điểm ông Phạm Văn C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 503 tờ bản đồ 09 thì không được Ủy ban nhân dân chấp nhận vì tường nhà ông C hiện đang xây trên đất nhà ông. Sau khi ông C và em rể ông C sang nhà ông nhờ ông tạo điều kiện làm sổ đỏ vì dù sao tường cũng đã xây lên rồi thì ông đồng ý và đã nhờ địa chính xã đến đo từ mép tường lên để làm sổ đỏ cho ông C, nhưng ông C lại cho rằng diện tích đất mà ông C nhờ đặt đường ống nước trước đây là của ông C nên ông C không phải xin xỏ gì gia đình ông và thách thức gia đình ông nên mới xảy ra tranh chấp.

Nay, ông C khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho vợ chồng ông đối với thửa đất số 501 tờ bản đồ số 09/DC tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, thì ông bà không đồng ý vì thửa đất trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông bà, có mốc giới rõ ràng, không tranh chấp với ai và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Ông bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

** Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ:*

1. Thửa đất số 501, tờ bản đồ số 09/DC, tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, diện tích 220,3m², trong đó có 195m² đất ONT và 25,3m² đất cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Công H, bà Phạm Thị N. Trên thửa đất có: 01 nhà 02 tầng diện tích khoảng 80m² giáp đường quốc lộ 10. Nhà ông H đã xây dựng tường bao xung quanh tiếp giáp với các hộ và đất thủy lợi.

2. Thửa đất số 500, tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 2005 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, diện tích 40m² loại đất ở, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có tứ cận cụ thể như sau: phía Tây giáp đường quốc lộ 10; phía Bắc giáp nhà ở của ông H; phía Đông giáp sân nhà ông H; phía Nam giáp thửa 503.

3. Thửa đất số 503, tờ bản đồ 09/DC ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, diện tích 139,8m², có tứ cận: phía Bắc một phần tiếp giáp thửa 500 và một phần giáp thửa 501; phía Nam giáp nhà ông T + nhà ông T; phía Tây giáp đường quốc lộ; phía Đông giáp rãnh nước.

* Kết quả đo đạc hiện trạng thể hiện: Thửa đất số 500 diện tích 40m², vẫn giữ nguyên hiện trạng; thửa đất số 503, diện tích 150,2m² tăng 10,4m², thửa đất số 501, diện tích 229m², tăng 8,7m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các nét đứt màu đỏ bao quanh thửa đất 501 là thể hiện ranh giới, mốc giới thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà N.

Các đương sự không có ai có ý kiến gì về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 532336, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận “CH” 00524 ngày 11/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với thửa đất số 501 tờ bản đồ số 09/DC tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình mang tên Nguyễn Công H, Phạm Thị N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ nên vẫn tiến hành xét xử là đúng pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tháng 10 năm 2020, ông Phạm Văn C mới biết ông Nguyễn Công H, bà Phạm Thị N được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 501 nên ngày 28 tháng 4 năm 2021, ông Phạm Văn C khởi kiện đối với quyết định hành chính này là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng Hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY532336, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Công H và bà

Phạm Thị N thì thấy:

[4.1] Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai 2013.

[4.2] Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số 501 có nguồn gốc là của bố mẹ ông Nguyễn Công H; ông H được bố mẹ giao quản lý, sử dụng từ năm 1988 đến nay; được ghi nhận quyền sử dụng đất tại bản đồ 299 và sổ mục kê; từ khi sử dụng đất đến khi đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông H sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liên kề. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thẩm tra hồ sơ theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai và Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Về căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ông C cho rằng thửa đất số 500 mà ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 40m² bao gồm cả phần rãnh thoát nước có chiều rộng 0.1m, chạy dài theo ranh giới thửa đất của ông H chảy ra ao phía sau, điều này ông C đưa ra tài liệu là Phiếu đo đạc hiện trạng đất ngày 20/8/1995, trong đó thể hiện có dòng chữ viết tay “Nam giáp ông Bạch dài 11,7m và có rãnh nước 0,1m chạy theo ranh giới của ông H chảy xuống ao” và căn cứ vào kết quả đo đạc của Công ty đo đạc Minh Long (do ông C tự đứng ra thuê) để chứng minh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H, bà N đã chồng lấn sang thửa đất số 500 và 503 của ông Phạm Văn C. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hình thể thửa đất từ Phiếu đo đạc hiện trạng đất ngày 20/8/1995, Trích lục bản đồ thửa đất ngày 23/12/2004, các Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 500, 501, 503, tờ bản đồ số 09 ngày 23/9/2005 đến Trích lục thửa đất ngày 04/7/2012, trích lục thửa đất ngày 09/3/2015 đều thể hiện ranh giới, mốc giới rõ ràng, không có tài liệu nào thể hiện về thửa đất số 500 của ông C có rãnh thoát nước phía sau thửa đất, chạy dài theo ranh giới đất nhà ông H, chứng cứ mà ông C cung cấp là Phiếu đo đạc hiện trạng đất ngày 20/8/1995 nhìn theo hình thể thửa đất thì không thể hiện có rãnh thoát nước, đồng thời chữ viết tay ghi trong Phiếu đo đạc đó không có giá trị chứng minh. Còn đối với kết quả đo đạc của Công ty Minh Long do ông C thuê không được công nhận vì việc đo đạc không có sự giám sát, chứng kiến của các hộ liên kề và các cơ quan chức năng. Mặt khác, khi tiến hành xem xét, thẩm

định tại chỗ và đo đạc hiện trạng thửa đất thì thấy, diện tích đất tại thửa số 500 của ông C vẫn đủ 40m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn diện tích thửa đất số 503 của ông C tăng 10,4m²; ranh giới, mốc giới thửa đất số 501 của ông H, bà N và ranh giới, mốc giới thửa đất số 500, 503 của ông C phù hợp với bản đồ đo đạc địa chính năm 2005, các chủ sử dụng đất tiếp giáp gồm bà Phí Thị N, ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị B, ông Bùi Xuân C đã ký xác nhận ranh giới, mốc giới. Vì vậy, không có căn cứ xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông H, bà N tại thửa số 501 chồng lấn lên đất của thửa đất số 500 và thửa đất số 503 của ông Phạm Văn C.

[5] Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận số “CH” 00524 ngày 11 tháng 3 năm 2015 đối với thửa đất số 501 từ bản đồ số 09/DC tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình mang tên Nguyễn Công H, Phạm Thị N là đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc hiện trạng là 4.000.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C không được chấp nhận nên ông C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên. Ông C đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, nên xác định phần chi phí ông C đã thực hiện xong.

[7] Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 105; Điều 100 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phạm Văn C về việc yêu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY532336, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 00524 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 11 tháng 3 năm 2015 đối với thửa đất số 501 từ bản đồ số 09/DC tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình mang tên Nguyễn Công H, Phạm Thị N.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn C phải chịu 4.000.000 đồng chi phí đo đạc hiện trạng thửa đất và 1.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (ông C đã nộp đủ chi phí tố tụng).

3. Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng ông Phạm Văn C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0005071 ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án án phí hành chính sơ thẩm cho ông Phạm Văn C.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

